

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2009/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 6 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác cung cấp thông tin và quản lý
doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh; Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 436/SKHĐT ngày 11/5/2009 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 78/BC-STP ngày 29/4/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác cung cấp thông tin và quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác cung cấp thông tin và quản lý doanh nghiệp,
hộ kinh doanh cá thể hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2009/QĐ-UBND
ngày 17/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định quan hệ phối hợp trong công tác cung cấp thông tin và quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể hoạt động trên địa bàn tỉnh giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, hội nghề nghiệp (gọi chung là tổ chức) với nhau và giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, hội nghề nghiệp với doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, kể cả các chi nhánh, văn phòng đại diện của các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (gọi chung là Doanh nghiệp).

2. Các hộ kinh doanh cá thể hoạt động theo quy định của Chính phủ.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin và quản lý các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Các cơ quan nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Quy chế này có trách nhiệm cung cấp thông tin và quản lý hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo qui định của pháp luật.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội, hội nghề nghiệp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Quy chế này có trách nhiệm cập nhật và phối hợp cung cấp thông tin của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể theo quy định của pháp luật.

3. Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh căn cứ vào quyền và nghĩa vụ của mình có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, hội nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Mục tiêu của việc cung cấp thông tin và quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Phục vụ cho công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan quản lý nhà nước các cấp;
2. Bảo đảm quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;
3. Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;
4. Phản ánh kịp thời và chính xác những thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh nhằm cung cấp thông tin về doanh nghiệp và hộ kinh doanh cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định pháp luật.
5. Đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh sau đăng ký kinh doanh.

Điều 5. Quy định về trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh

1. Trụ sở chính của doanh nghiệp, hộ kinh doanh là địa điểm liên lạc, giao dịch của doanh nghiệp, hộ kinh doanh được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, là nơi tiến hành các hoạt động giao dịch chính thức, thường xuyên. Có thể trụ sở chính của doanh nghiệp, hộ kinh doanh vừa là nơi hoạt động kinh doanh (nếu không vi phạm pháp luật chuyên ngành).
2. Doanh nghiệp và hộ kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với trụ sở chính, địa điểm kinh doanh.
3. Địa điểm kinh doanh là nơi hoạt động kinh doanh cụ thể của doanh nghiệp được tổ chức thực hiện. Địa điểm kinh doanh có thể nằm ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính nhưng phải có biển hiệu gắn cố định.
4. Đối với hộ kinh doanh buôn chuyển, kinh doanh lưu động thì phải chọn một địa điểm cố định để đăng ký kinh doanh. Địa điểm này có thể là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi đăng ký tạm trú hoặc địa điểm thường xuyên kinh doanh, nơi đặt địa điểm thu mua giao dịch. Hộ kinh doanh buôn chuyển, kinh doanh lưu động được phép kinh doanh ngoài địa điểm đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh nhưng phải thông báo cho cơ quan thuế, cơ quan quản lý thị trường nơi đăng ký trụ sở và nơi tiến hành hoạt động kinh doanh.
5. Doanh nghiệp và hộ kinh doanh có trách nhiệm thông báo thời gian mở cửa trụ sở chính, địa điểm kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi doanh nghiệp và hộ kinh doanh đóng địa chỉ trụ sở chính hoặc địa điểm kinh doanh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và phải có gắn biển hiệu cố định tại địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Nghiêm cấm việc ghi tên các cơ quan nhà nước trên biển hiệu của doanh nghiệp và hộ kinh doanh.

Chương II

PHỐI HỢP, TỔ CHỨC CUNG CẤP THÔNG TIN DOANH NGHIỆP VÀ HỘ KINH DOANH CÁ THỂ

Điều 6. Nguyên tắc cung cấp thông tin về doanh nghiệp và hộ kinh doanh

Các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp thông tin về doanh nghiệp và hộ kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc bí mật quốc gia, bí mật thông tin của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định và không được thu phí về nội dung cung cấp thông tin, trừ trường hợp cung cấp thông tin quy định tại khoản 5 Điều 7 của Quy định này.

Điều 7. Thông tin về doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bao gồm các nội dung sau đây:

1. Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động lần đầu của doanh nghiệp và chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

2. Cung cấp thông tin về nội dung thay đổi đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động của doanh nghiệp và chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

3. Cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu và các lần thay đổi đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động của doanh nghiệp và chi nhánh, văn phòng đại diện.

4. Cung cấp hồ sơ thành lập và quản lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện đã được lưu trữ tại cơ quan đăng ký kinh doanh trong trường hợp thật cần thiết phải quản lý.

5. Trích lục bản sao báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp cho các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp thật cần thiết phải quản lý.

6. Thông tin về cho thuê doanh nghiệp; bán doanh nghiệp; tổ chức lại doanh nghiệp; giải thể doanh nghiệp; tạm ngừng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; thông báo của các cơ quan nhà nước về tạm ngừng kinh doanh đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà không đủ các điều kiện kinh doanh; xoá tên và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

7. Thông báo về doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện bỏ trốn khỏi địa chỉ trụ sở chính; quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế đối với doanh nghiệp; báo cáo về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế nhà nước đối với doanh nghiệp.

8. Thông báo hoặc báo cáo của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chấp hành các quy định điều kiện kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

của doanh nghiệp và các biện pháp xử lý đã áp dụng đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

9. Thông tin về lao động: Dự kiến số lao động khi doanh nghiệp đi vào hoạt động ổn định, số lao động hiện có, số lao động cần tuyển qua từng năm.

10. Thông tin khác theo qui định của pháp luật.

Các cơ quan quản lý ngành kinh tế kỹ thuật có trách nhiệm cập nhật đầy đủ các nội dung thông tin về doanh nghiệp qui định ở khoản 8, 9 và khoản 10 điều này cung cấp cho các tổ chức và cá nhân có nhu cầu được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thông tin về hộ kinh doanh

Thông tin về hộ kinh doanh bao gồm các nội dung sau đây:

1. Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký kinh doanh lần đầu và nội dung thay đổi đăng ký kinh doanh.

2. Cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu và các lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

3. Thông tin về hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động.

4. Thông tin về thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh trong các trường hợp sau:

a. Không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn 6 (sáu) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b. Ngừng hoạt động kinh doanh quá 6 (sáu) tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, thành phố nơi đăng ký kinh doanh;

c. Chuyển địa điểm kinh doanh sang huyện, thành phố khác.

d. Kinh doanh ngành, nghề bị pháp luật nghiêm cấm.

5. Thông báo hoặc báo cáo của các sở quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về việc chấp hành các quy định điều kiện kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện của hộ kinh doanh và các biện pháp xử lý đã áp dụng đối với hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

6. Thực hiện các thông tin khác theo qui định của pháp luật.

Điều 9. Chế độ cung cấp thông tin về doanh nghiệp

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tổ chức thực hiện chế độ cung cấp thông tin về doanh nghiệp theo qui định sau đây :

1. Gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động lần đầu và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động các lần thay đổi của doanh nghiệp và chi nhánh, văn phòng đại diện tới Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê, Sở Lao động- Thương binh và xã hội, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường thị trấn, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong

thời gian 07 ngày kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu, các lần thay đổi của doanh nghiệp và chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Cung cấp thông tin về doanh nghiệp quy định ở khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và khoản 10 Điều 7 Quy chế này theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân có nhu cầu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

3. Định kỳ vào tuần thứ hai hàng tháng, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi danh sách kèm thông tin chi tiết về các doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, giải thể, phá sản trong tháng trước đó đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan quản lý ngành kinh tế kỹ thuật cùng cấp, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Trình tự và thủ tục cung cấp thông tin về doanh nghiệp cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện theo qui định của pháp luật.

Điều 10. Chế độ cung cấp thông tin về hộ kinh doanh

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện chế độ cung cấp thông tin về hộ cá thể theo qui định sau đây :

1. Định kỳ vào tuần thứ nhất hàng tháng, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi danh sách hộ kinh doanh đã đăng ký tháng trước cho Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cơ quan thuế cùng cấp và sở chuyên ngành.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, thành phố có trách nhiệm cập nhật đầy đủ các nội dung thông tin về hộ kinh doanh qui định ở khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 6 Điều 8 Quy chế này cung cấp thông tin cho tổ chức và cá nhân có nhu cầu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

3. Báo cáo kết quả xác minh về doanh nghiệp và báo cáo công tác đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh theo yêu cầu của Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Trình tự và thủ tục cung cấp thông tin về hộ kinh doanh cho tổ chức cá nhân có nhu cầu thực hiện theo qui định của pháp luật.

Chương III PHỐI HỢP QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ HỘ KINH DOANH CÁ THỂ

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh

1. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin về doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Thực hiện chế độ tiếp nhận và bổ sung, cập nhật thông tin về doanh nghiệp.

3. Thực hiện chế độ cung cấp thông tin về doanh nghiệp.

4. Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

5. Định kỳ hàng tháng (vào ngày thứ mười lăm của tháng sau) báo cáo thông tin về doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh trên địa bàn với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

6. Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo tình hình kinh doanh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 163 của Luật Doanh nghiệp; đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo hàng năm của doanh nghiệp.

7. Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp theo nội dung trong hồ sơ đăng ký kinh doanh; hướng dẫn doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh.

8. Yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

9. Sau khi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu phát hiện các thông tin đã kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo, thì gửi thông báo yêu cầu doanh nghiệp hiệu đính. Sau thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày gửi thông báo mà không nhận được thông báo hiệu đính của doanh nghiệp thì tiến hành xác minh các nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh. Sau khi kiểm tra và xác định rõ mức độ vi phạm các qui định về đăng ký kinh doanh thì trực tiếp xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo qui định của pháp luật.

10. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 165 của Luật Doanh nghiệp.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh Khu kinh tế Dung Quất

Căn cứ các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật hiện hành phối hợp với các cơ quan nhà nước thực hiện việc cung cấp thông tin về doanh nghiệp cho UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế tỉnh, các sở, ngành và các đơn vị liên quan trong tỉnh và quản lý doanh nghiệp trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, thành phố

1. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin về hộ kinh doanh trên địa bàn.

2. Thực hiện chế độ tiếp nhận và bổ sung, cập nhật thông tin và chế độ cung cấp thông tin về hộ kinh doanh trên địa bàn theo hướng dẫn tại Quy chế này.

3. Định kỳ hàng tháng (vào ngày thứ mười lăm của tháng sau) báo cáo với UBND huyện, thành phố và Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh về tình hình cấp

đăng ký kinh doanh và thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh trên địa bàn.

4. Trực tiếp kiểm tra hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký kinh doanh trên phạm vi địa bàn; phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp; xác minh nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện trên phạm vi địa bàn theo yêu cầu của Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

5. Yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo tình hình kinh doanh khi cần thiết và tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện hộ kinh doanh không có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

6. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh trong các trường hợp quy định tại Điều 47 Nghị định 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố giao và theo qui định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ quản lý tài chính doanh nghiệp, chế độ quản lý, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp; dự báo khả năng động viên tài chính từ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về tài chính, kế toán tại các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chuyên ngành về hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp do tỉnh thành lập hoặc góp vốn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính.

5. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về doanh nghiệp, các tổ chức, hội nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh để cung cấp thông tin và quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan thuế các cấp

1. Tiếp nhận, xử lý thông tin về doanh nghiệp; thực hiện phân cấp quản lý đối với doanh nghiệp theo quy định của Luật Quản lý thuế;

2. Thường xuyên thông báo về doanh nghiệp, hộ kinh doanh không kinh doanh, bỏ trốn, mất tích, đến cơ quan hữu quan theo quy định; định kỳ sáu tháng, hàng năm (vào ngày cuối tháng) tổng hợp danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh bỏ trốn, mất tích và tình trạng xử lý mã số thuế đến cơ quan đăng ký kinh doanh cùng cấp để đối chiếu, phối hợp xử lý;

3. Khi có yêu cầu của cơ quan hữu quan, thực hiện cung cấp thông tin các doanh nghiệp theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Quy chế này.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Lao động- Thương binh và xã hội

1. Hướng dẫn các doanh nghiệp, hộ kinh doanh triển khai thực hiện và chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, tiền công, thời giờ làm việc, bảo hiểm xã hội,...

2. Thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp và hộ kinh doanh trong việc ký kết hợp đồng lao động khi sử dụng lao động và thực hiện các chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn và thực hiện việc hòa giải tranh chấp lao động của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các nghiệp vụ theo quy định thuộc chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội liên quan đến doanh nghiệp và hộ kinh doanh.

5. Tổng hợp, cung cấp thông tin về lao động của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm của các sở, ngành trong tỉnh

1. Các sở, ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý doanh nghiệp theo chuyên ngành.

b) Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các qui định của pháp luật chuyên ngành trong hoạt động kinh doanh; tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về điều kiện kinh doanh.

c) Định kỳ sáu tháng, hàng năm (vào ngày cuối tháng) tổng hợp thông báo danh sách doanh nghiệp bị áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính theo qui định của pháp luật chuyên ngành cho UBND tỉnh, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

d) Yêu cầu Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh cung cấp thông tin về doanh nghiệp phục vụ công tác quản lý của ngành mình.

đ) Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan nhà nước khác tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển kinh doanh.

2. Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ban, ngành trong tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Luật Doanh nghiệp của các doanh nghiệp trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân tỉnh

3. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo qui định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn; phối hợp với các Sở, ngành của tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo thẩm quyền.

2. Tổ chức truyền truyền, phổ biến pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn phát triển kinh doanh.

3. Định kỳ sáu tháng, hàng năm (vào ngày cuối tháng) tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Thông tin về doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn.

b) Tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn.

c) Những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

4. Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong việc phối hợp xác minh thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi có yêu cầu của cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

5. Thực hiện xử phạt hành chính về đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của Chính phủ và có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong việc kiểm tra, xử phạt hành chính về đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của Chính phủ.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Phát hiện báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố và Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh về các doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể vi phạm quy định về trụ sở giao dịch, địa điểm kinh doanh, biển hiệu của doanh nghiệp và hộ kinh doanh.

2. Phối hợp xác minh thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn theo yêu cầu của cơ quan thuế, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Thực hiện xử phạt vi phạm hành chính về đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Nghị định của Chính phủ.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và Quy chế này được khen thưởng theo quy định hiện hành của nhà nước.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật và Quy chế này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính, kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội, hội nghề nghiệp trong tỉnh thực hiện:

a) Vận động, hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

b) Tham gia đề xuất với cơ quan nhà nước những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

c) Tổ chức đánh giá, bình chọn và đề nghị khen thưởng doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn.

2. Hướng dẫn thi hành:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm triển khai và hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có gì vướng mắc, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế